

Số: 23 /NQ-HĐND

Vĩnh Châu, ngày 05 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 (vốn sự nghiệp)
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 21 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Qua xem xét Tờ trình số 59 /TTr-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu, với tổng số tiền 13.707.100.000 đồng (bằng chữ: mười ba tỷ, bảy trăm lẻ bảy triệu, một trăm ngàn đồng), trong đó:

- Bổ sung mục tiêu của tỉnh tại Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng: 12.461.000.000 đồng.

- Đối ứng ngân sách thị xã từ nguồn tiết kiệm chi ngân sách năm 2024 chuyển sang năm 2025: 1.246.100.000 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân, thị xã Vĩnh Châu theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu khóa XII, kỳ họp thứ 21 (chuyên đề) nhất trí thông qua vào ngày 05 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND-UBND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp, Sở Tài chính, tỉnh Sóc Trăng;
- TT. Thị ủy;
- TT. HĐND-UBND, UBMTTQ thị xã;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Các cơ quan (Đảng - CQ - DT);
- TT. HĐND-UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH

Trà Khol

Phụ lục

(Kèm theo Nghị quyết số 23 /NQ-HĐND ngày 05 tháng 6 năm 2025
của Hội đồng nhân dân nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

Đơn vị tính: đồng

STT	Chương trình, dự án/tên đơn vị	Tổng số	Trong đó		Chương - loại khoản, tính chất nguồn kinh phí; mã CTMTQG
			Ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp)	Ngân sách thị xã (đối ứng 10%)	
Tổng số		13,707,100,000	12,461,000,000	1,246,100,000	
I	DỰ ÁN 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	1,397,500,000	1,375,000,000	22,500,000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (128 hộ)	1,280,000,000	1,279,000,000	1,000,000	
-	Phường 2 (50 hộ)	500,000,000	499,000,000	1,000,000	Mã CTMT: 10511: 499 trđ; mã CTMT: 30511: 1 trđ
-	Phường Vĩnh Phước (12 hộ)	120,000,000	120,000,000	-	Mã CTMT: 10511
-	Xã Hòa Đông (15 hộ)	150,000,000	150,000,000	-	Mã CTMT: 10511
-	Xã Lạc Hòa (8 hộ)	80,000,000	80,000,000	-	Mã CTMT: 10511
-	Xã Vĩnh Hải (11 hộ)	110,000,000	110,000,000	-	Mã CTMT: 10511
-	Xã Lai Hòa (18 hộ)	180,000,000	180,000,000	-	Mã CTMT: 10511
	Xã Vĩnh Tân (14 hộ)	140,000,000	140,000,000	-	Mã CTMT: 10511
2	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (Định mức 3.000.000 đồng/hộ)	117,500,000	96,000,000	21,500,000	
-	Phòng Dân tộc và Tôn giáo (39 hộ)	117,500,000	96,000,000	21,500,000	Mã CTMT: 10511: 96 trđ; mã CTMT: 30511: 21,5 trđ
II	DỰ ÁN 3: phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển tiềm năng, thế mạnh của các địa phương để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	3,495,000,000	3,495,000,000	-	Mã CTMT: 10513
1	Tiểu dự án 2: hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số	3,495,000,000	3,495,000,000	-	
*	Nội dung số 01: hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cộng đồng)	3,495,000,000	3,495,000,000	-	
-	Phường 2	538,000,000	538,000,000	-	
-	Phường Vĩnh Phước	538,000,000	538,000,000	-	
-	Phường Khánh Hòa	403,000,000	403,000,000	-	
-	Xã Hòa Đông	403,000,000	403,000,000	-	

STT	Chương trình, dự án/tên đơn vị	Tổng số	Trong đó		Chương - loại khoản, tính chất nguồn kinh phí; mã CTMTQG
			Ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp)	Ngân sách thị xã (đối ứng 10%)	
-	Xã Lạc Hòa	538,000,000	538,000,000	-	
-	Xã Vĩnh Hải	134,000,000	134,000,000	-	
-	Xã Vĩnh Tân	403,000,000	403,000,000	-	
-	Xã Lai Hòa	538,000,000	538,000,000	-	
III	DỰ ÁN 4: đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	4,538,600,000	3,350,000,000	1,188,600,000	
1	Tiểu dự án 1: đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số	4,538,600,000	3,350,000,000	1,188,600,000	
1.1	Nội dung 1: đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số	4,538,600,000	3,350,000,000	1,188,600,000	
*	Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng	4,538,600,000	3,350,000,000	1,188,600,000	
-	Phường 2	697,000,000	515,000,000	182,000,000	Mã CTMT: 10514: 515 trđ; mã CTMT: 30514: 182 trđ
-	Phường Vĩnh Phước	697,000,000	515,000,000	182,000,000	Mã CTMT: 10514: 515 trđ; mã CTMT: 30514: 182 trđ
-	Phường Khánh Hòa	523,000,000	386,000,000	137,000,000	Mã CTMT: 10514: 386 trđ; mã CTMT: 30514: 137 trđ
-	Xã Hòa Đông	523,000,000	386,000,000	137,000,000	Mã CTMT: 10514: 386 trđ; mã CTMT: 30514: 137 trđ
-	Xã Lạc Hòa	697,000,000	515,000,000	182,000,000	Mã CTMT: 10514: 515 trđ; mã CTMT: 30514: 182 trđ
-	Xã Vĩnh Hải	181,600,000	132,000,000	49,600,000	Mã CTMT: 10514: 132 trđ; mã CTMT: 30514: 49,6 trđ
-	Xã Vĩnh Tân	523,000,000	386,000,000	137,000,000	Mã CTMT: 10514: 386 trđ; mã CTMT: 30514: 137 trđ
-	Xã Lai Hòa	697,000,000	515,000,000	182,000,000	Mã CTMT: 10514: 515 trđ; mã CTMT: 30514: 182 trđ
IV	DỰ ÁN 5: phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	3,175,000,000	3,140,000,000	35,000,000	
1	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số	3,175,000,000	3,140,000,000	35,000,000	

STT	Chương trình, dự án/tên đơn vị	Tổng số	Trong đó		Chương - loại khoản, tính chất nguồn kinh phí; mã CTMTQG
			Ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp)	Ngân sách thị xã (đối ứng 10%)	
-	Phường 1	353,500,000	350,000,000	3,500,000	Mã CTMT: 10515: 350 trđ; mã CTMT: 305154: 3,5 trđ
-	Phường 2	353,500,000	350,000,000	3,500,000	Mã CTMT: 10515: 350 trđ; mã CTMT: 305154: 3,5 trđ
-	Phường Vĩnh Phước	353,500,000	350,000,000	3,500,000	Mã CTMT: 10515: 350 trđ; mã CTMT: 305154: 3,5 trđ
-	Phường Khánh Hòa	284,000,000	280,500,000	3,500,000	Mã CTMT: 10515: 350 trđ; mã CTMT: 305154: 3,5 trđ
-	Xã Hòa Đông	284,000,000	280,500,000	3,500,000	Mã CTMT: 10515: 350 trđ; mã CTMT: 305154: 3,5 trđ
-	Xã Lạc Hòa	353,500,000	350,000,000	3,500,000	Mã CTMT: 10515: 350 trđ; mã CTMT: 305154: 3,5 trđ
-	Xã Vĩnh Hải	353,500,000	350,000,000	3,500,000	Mã CTMT: 10515: 350 trđ; mã CTMT: 305154: 3,5 trđ
-	Xã Vĩnh Tân	353,500,000	350,000,000	3,500,000	Mã CTMT: 10515: 350 trđ; mã CTMT: 305154: 3,5 trđ
-	Xã Lai Hòa	353,500,000	350,000,000	3,500,000	Mã CTMT: 10515: 350 trđ; mã CTMT: 305154: 3,5 trđ
-	Xã Vĩnh Hiệp	132,500,000	129,000,000	3,500,000	Mã CTMT: 10515: 350 trđ; mã CTMT: 305154: 3,5 trđ
V	DỰ ÁN 8: thực hiện bình đẳng giới và giải quyết vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	1,045,000,000	1,045,000,000	-	Mã CTMT: 10518
-	Phường 2	277,000,000	277,000,000		
-	Phường Vĩnh Phước	192,000,000	192,000,000		
-	Phường Khánh Hòa	72,000,000	72,000,000		
-	Xã Hòa Đông	72,000,000	72,000,000		
-	Xã Lạc Hòa	192,000,000	192,000,000		
-	Xã Vĩnh Hải	24,000,000	24,000,000		
-	Xã Vĩnh Tân	72,000,000	72,000,000		
-	Xã Lai Hòa	144,000,000	144,000,000		
IV	DỰ ÁN 10: truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	56,000,000	56,000,000	-	Mã CTMT: 10521

STT	Chương trình, dự án/tên đơn vị	Tổng số	Trong đó		Chương - loại khoản, tính chất nguồn kinh phí; mã CTMTQG
			Ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp)	Ngân sách thị xã (đối ứng 10%)	
1	Tiểu dự án 3: kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	56,000,000	56,000,000	-	
-	Phòng Dân tộc và Tôn giáo	56,000,000	56,000,000	-	